TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 20/6/2017
Về việc "*Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần HĐXX gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Doãn Đình Quyến.**

- Các thẩm phán: ông Nguyễn Văn Bằng và ông Trịnh Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê – Thư ký Tòa án nhân dân Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20/6/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2017/TLPT ngày 10 tháng 5 năm 2017 về việc *"Ly hôn"*.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 03/2017/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2017/QĐ-PT ngày 02/6/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1973 – Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; (có mặt)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1974 – Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc A trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** anh Nguyễn Ngọc A và chị Nguyễn Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L vào ngày 22/01/1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh A, chị B chung sống hạnh phúc từ đó cho đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do chị B thường xuyên ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã, xúc phạm và không tôn trọng lẫn

nhau. Sau khi anh A đưa đơn ly hôn tại Tòa án, gia đình hai bên có hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, ngược lại mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, xung đột vợ chồng ngày một căng thẳng và không thể sống chung với nhau được nữa. Nay anh A xác định không còn tình cảm với chị B nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

- **Về con chung:** Anh A, chị B có 04 con chung: Nguyễn Thị T, sinh năm 1996; Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 18/4/2004; Nguyễn Minh M, sinh ngày 08/6/2006; Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 09/7/2013. Nay vợ chồng anh ly hôn, cháu T đã đủ trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết, đối với hai cháu H và M, theo ý kiến hai cháu có nguyện vọng ở với mẹ, anh đồng ý giao các cháu cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh sẽ cấp dưỡng hàng tháng nuôi cháu M là 1.500.000 đồng/ tháng. Còn cháu N thì nguyện vọng của anh là nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Anh Nguyễn Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị thống nhất với ý kiến của anh A về việc xác lập quan hệ hôn nhân giữa chị và anh A. Còn nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị xác nhận là do chị B phát hiện anh A vẫn còn liên hệ, đi chơi và chụp hình với người yêu cũ. Vợ chồng anh chị sống chung với mẹ chồng nhưng mẹ chồng thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị B nhưng anh A không hề quan tâm, bảo vệ mà còn chửi bới và bắt chị làm những công việc nặng nhọc, mọi vấn đề kinh tế trong gia đình chị B không được quyền quyết định. Đến năm 2013 khi chị đang mang bầu cháu N được 5 tháng thì chị B phát hiện anh A nhắn tin hẹn hò với người phụ nữ khác. Chị B nhiều lần khuyên bảo nhưng anh A không nghe mà còn chửi bới, đánh đập chị B và xúc phạm bố mẹ chị B. Trước đây quá trình Tòa án hòa giải chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lớn và không thể sống chung với nhau được nữa nên chị cũng đồng ý ly hôn. Tuy nhiên tại phiên tòa chị thay đổi ý kiến và không đồng ý ly hôn với anh A mặc dù chị thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa.

- **Về con chung:** Vợ chồng chị có 04 con chung như anh A đã trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn chị đồng ý với ý kiến của anh A về việc giao con chung cho vợ, chồng trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Nhưng về mức cấp dưỡng nuôi con chung chị đề nghị anh A cấp dưỡng một lần với mức là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi đủ tuổi thành niên.

- **Về tài sản chung:** Trong quá trình giải quyết vụ án, chị B có đề cập đến vấn đề tài sản chung của vợ chồng nhưng chị B không có đơn yêu cầu và không cung cấp các tài liệu chứng cứ cho Tòa án, nên Tòa án không xem xét giải quyết yêu cầu của chị B trong cùng vụ án này.

Tại bản án số 03/2017/HNGĐ-ST ngày 23/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện L quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

- Khoản 8 Điều 27 Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/9/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án; Điều 14 Nghị quyết số 01/2012/NQ_HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cáo hướng dẫn một số quy định của pháp luật vè án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc A về việc ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

2. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Ngọc A và chị Nguyễn Thị B:

- Giáo cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 18/4/2004 và cháu Nguyễn Minh M, sinh ngày 08/6/2006 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

- Giao cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 09/7/2013 cho anh Nguyễn Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Các bên được quyền đi lại, thăm nom con chung, không được cản trở. Vì lợi ích của một trong hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Ngọc A, có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh M là 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng trên một tháng), cho đến khi cháu Nguyễn Minh M đủ tuổi thành niên.

4. Về tài sản chung:

Các bên không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/4/2017 bị đơn chị Nguyễn Thị B làm đơn kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo hướng không chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình và đề nghị HĐXX giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

- Xét đơn kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị B: Về hình thức: Đơn kháng cáo của chị B gửi trong hạn luật định, đảm bảo về mặt hình thức, đã nộp tiền tạm tứng án phí phúc thẩm, nên kháng cáo của chị B là hợp lệ. Về nội dung: xét thấy Hai vợ chồng chị B, anh A cũng đều thừa nhận mẫu thuẫn giữa hai vợ chồng là rất trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn xin ly hôn của anh A và tuyên xử cho anh A được ly hôn với chị B là có căn cứ. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của chị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm. Qúa trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị B về quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Ngọc A, Tòa án nhận thấy: Theo lời trình bày của chị B và anh A, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh A chị B chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Hai vợ chồng chị B, anh A cũng đều thừa nhận mẫu thuẫn giữa hai vợ chồng là rất trầm trọng, cuộc sống vợ chồng

không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn xin ly hôn của anh A và tuyên xử cho anh A được ly hôn với chị B là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của chị B là không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo chị Nguyễn Thị B không được chấp nhận nên chị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị B. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2017/HNGĐ-ST ngày 23/3/2017 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc A được ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2014/0035137 mà chị B đã nộp ngày 12/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện L;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã T, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Doãn Đình Quyến